

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hà Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hà Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hà Thị Thu Hương

Mã SV: 1013401102

Lớp: QTL402K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương tại Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương tại Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc trong nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu thực tiễn của doanh nghiệp.
- Chăm chỉ, khiêm tốn, cố gắng, nỗ lực trong quá trình làm bài.
- Hoàn thành khoá luận theo đúng tiến độ của giảng viên hướng dẫn và của nhà trường.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận :

- Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận theo đề tài nghiên cứu.
- Nắm được tình hình kế toán tại doanh nghiệp và công tác kế toán theo đề tài được giao.
- Đánh giá được thực trạng công tác kế toán theo đề tài tại doanh nghiệp.
- Đã đề xuất và phân tích một số giải pháp tương đối phù hợp.
- Phương pháp trình bày dễ hiểu, văn phong gọn gàng.
- Tuy nhiên một số giải pháp đưa ra cần phân tích sâu, cụ thể hơn thì giải pháp sẽ thuyết phục hơn.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Lê Thị Nam Phương

LỜI MỞ ĐẦU

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra yêu cầu gay gắt phải nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam cần nhanh chóng, khẩn trương phát huy nội lực, nắm bắt cơ hội để nâng cao năng lực cạnh tranh. Hơn nữa, việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp là quá trình thường xuyên, liên tục, đòi hỏi các doanh nghiệp liên tục khai thác các tiềm năng, lợi thế, tận dụng cơ hội để kinh doanh, không ngừng tăng năng suất, chất lượng sản phẩm...

Trong nền kinh tế thị trường để có thể đứng vững và cạnh tranh được trên thị trường, các DN phải tạo ra uy tín và hình ảnh cho sản phẩm, thể hiện qua chất lượng, mẫu mã, giá cả trong đó chất lượng là vấn đề then chốt. Đầu tư cho chất lượng đồng nghĩa với việc đầu tư cho máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, đầu tư vào nguồn nhân lực và chú trọng yếu tố NVL đầu vào.

Do đó nguồn vốn, đặc biệt là vốn bằng tiền đóng một vai trò to lớn không thể thiếu trong mỗi Doanh nghiệp. Để sử dụng và chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ thì kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng vì nó là bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế của Nhà nước cũng như các hoạt động kinh tế tài chính của Doanh nghiệp. Công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà quản lý về tình hình tài chính của Doanh nghiệp, để có những phương án hợp lý trong việc sử dụng vốn, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải thu, nợ phải trả....

Từ nhận thức trên trong thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu vốn bằng tiền và kế toán vốn bằng tiền và đã chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp là “ **Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng** ”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khoá luận của em gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung cơ bản về vốn bằng tiền và công tác kế toán vốn bằng tiền .

Chương II: Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng

Trong thời gian thực hiện khoá luận em đã nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của Ban Giám đốc, các cán bộ trong phòng kế toán của công ty và cô giáo hướng dẫn. Vì trình độ còn hạn chế, thời gian có hạn nên bài khoá luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Hà Thị Thu Hương

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

I. Những vấn đề lý luận chung về vốn bằng tiền

1. Khái niệm vốn bằng tiền.

Đối với mỗi doanh nghiệp, dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh vấn đề cần thiết là phải có một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của Doanh nghiệp. Qua mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ bao gồm: tiền mặt (TK 111), tiền gửi Ngân hàng(TK 112), tiền đang chuyển(TK 113).

2. Đặc điểm vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp và lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá

mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

3. Các loại vốn bằng tiền

- *Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:*
 - Tiền Việt Nam
 - Ngoại tệ
 - Vàng bạc, kim khí, đá quý
- *Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại nơi quản lý, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:*
 - Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.
 - Tiền gửi Ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.
 - Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch thu, chi (ngắn hạn, dài hạn), duy trì một lượng tiền tồn quỹ hợp lý để sử dụng.

4. Vị trí, vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

❖ Vị trí:

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Vốn bằng tiền là một trong những vị trí quan trọng nhất không thể thay thế trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử

dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Vai trò:**

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khoản thu, chi tiền mặt là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục do sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu, chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động của sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

5. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Tiền mặt phải được bảo quản trong két an toàn, chống mất trộm, chống cháy, chống mối xông.

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra, và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.
- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

7. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.
- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.
- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.
- Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu

có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ được xử lý chênh lệch như sau:

+ Nếu chênh lệch phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) thì số lãi do tỷ giá được phản ánh vào TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính và lỗ do tỷ giá được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính.

+ Nếu chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (là giai đoạn trước hoạt động) thì số chênh lệch được phản ánh vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

+ Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

- Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

+ Vàng bạc, kim khí, đá quý phải được theo dõi về số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý nhập vào quỹ được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá thanh toán).

+ Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh

II. Tổ chức công tác kế toán tiền mặt tại quỹ

1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

- Để hạch toán chính xác tiền mặt thì tiền mặt của doanh nghiệp phải được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay. Trong trường hợp cần thiết

thì phải làm thủ tục uỷ quyền cho người làm thay và phải được sự đồng ý của Giám đốc.

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.
- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.
- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thì thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán TM

- Phiếu thu (Mã số 01 – TT)
- Phiếu chi (Mã số 02 – TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mã số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mã số 05 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mã số 06 – TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mã số 07 – TT)
- Bảng kê chi tiền (Mã số 09 – TT)

- Phiếu thu, phiếu chi được kế toán lập từ 2 đến 3 liên đặt giấy than viết một lần, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối chiếu với phiếu chi), sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập xuất quỹ. Thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ, một liên giao cho người nộp tiền (hoặc người nhận tiền), một liên lưu tại nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu, phiếu chi được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

- Giấy đề nghị tạm ứng do người xin tạm ứng viết 1 liên và ghi rõ gửi người xét duyệt tạm ứng. Sau khi ghi đầy đủ các nội dung trong giấy (họ tên, đơn vị số tiền tạm ứng, lý do tạm ứng...). Giấy đề nghị tạm ứng được chuyển cho kế toán trưởng xem xét và ghi ý kiến đề nghị giám đốc duyệt chi. Căn cứ vào quyết định đó kế toán lập phiếu chi theo giấy đề nghị tạm ứng và chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục xuất quỹ.

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu, chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý của doanh nghiệp.

+) Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 111 - Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- *Tài khoản 1112 - Ngoại tệ:* Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

+) Kết cấu TK 111 như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;

- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

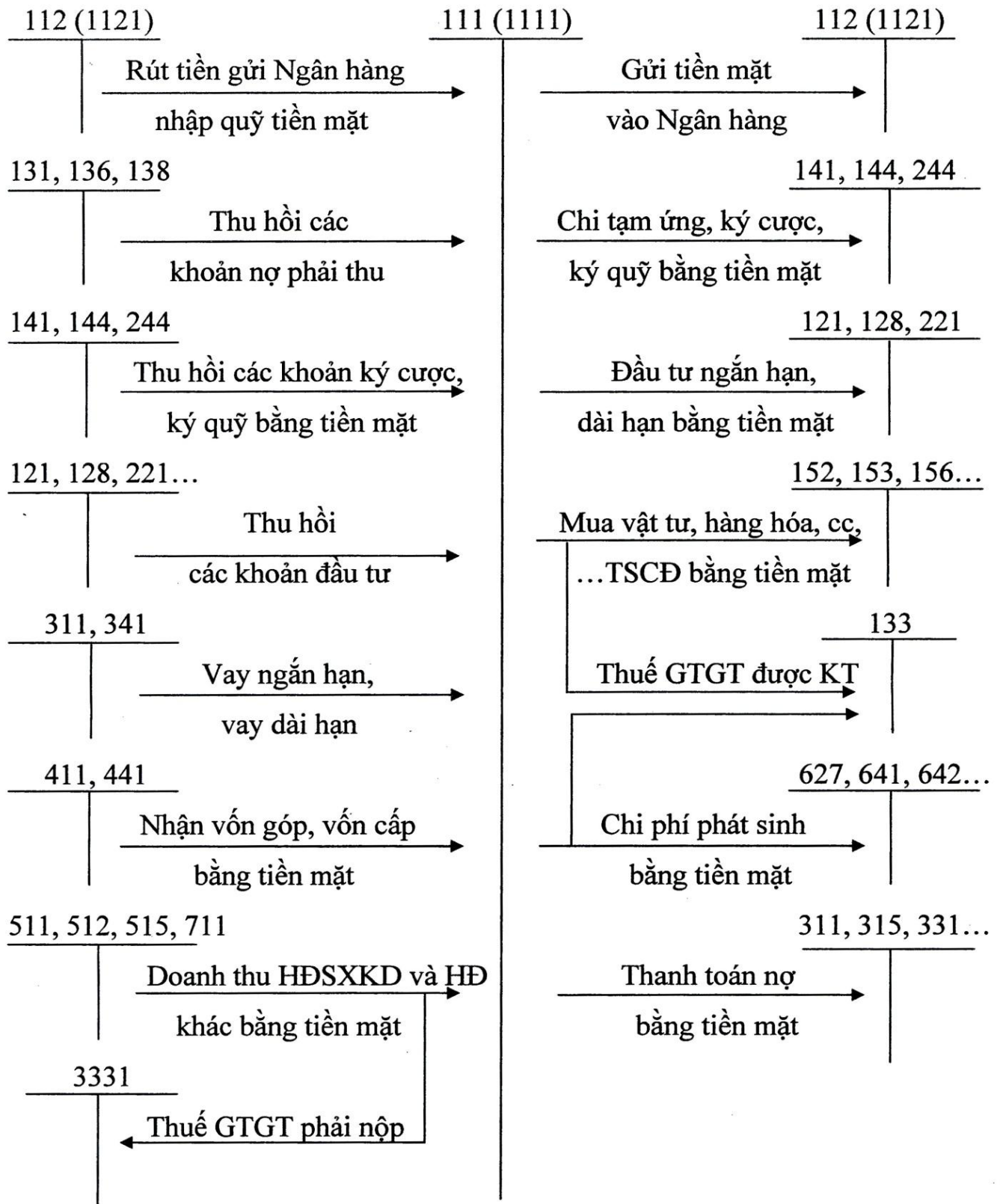
Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

3.Phương pháp hạch toán kế toán TM

a) *Kế toán tiền mặt Việt Nam đồng(VNĐ)*

Kế toán tiền mặt VNĐ được thể hiện qua sơ đồ sau

Sơ đồ hạch toán tiền mặt



b) Kế toán TM bằng ngoại tệ

Một nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ, phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ đồng Việt Nam (VNĐ), việc quy đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Đồng thời phải ghi chép bằng ngoại tệ TK 007 “Ngoại tệ các loại”.

- Kết cấu TK 007 - Ngoại tệ các loại:

TK 007 – Ngoại tệ các loại	
Ngoại tệ tăng trong kỳ	Ngoại tệ giảm trong kỳ
<u>SD:</u> Ngoại tệ hiện có	

Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với TK thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 515 hoặc TK 635.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh

lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413.

- Kết cấu TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái:

413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

- Chênh lệch tỷ giá giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ. - Chênh lệch tỷ giá tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. - Xử lý chênh lệch tỷ giá	- Chênh lệch tỷ giá tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ. - Chênh lệch tỷ giá giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. - Xử lý chênh lệch tỷ giá
<u>SD:</u> Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý	<u>SD:</u> Chênh lệch tỷ giá còn lại

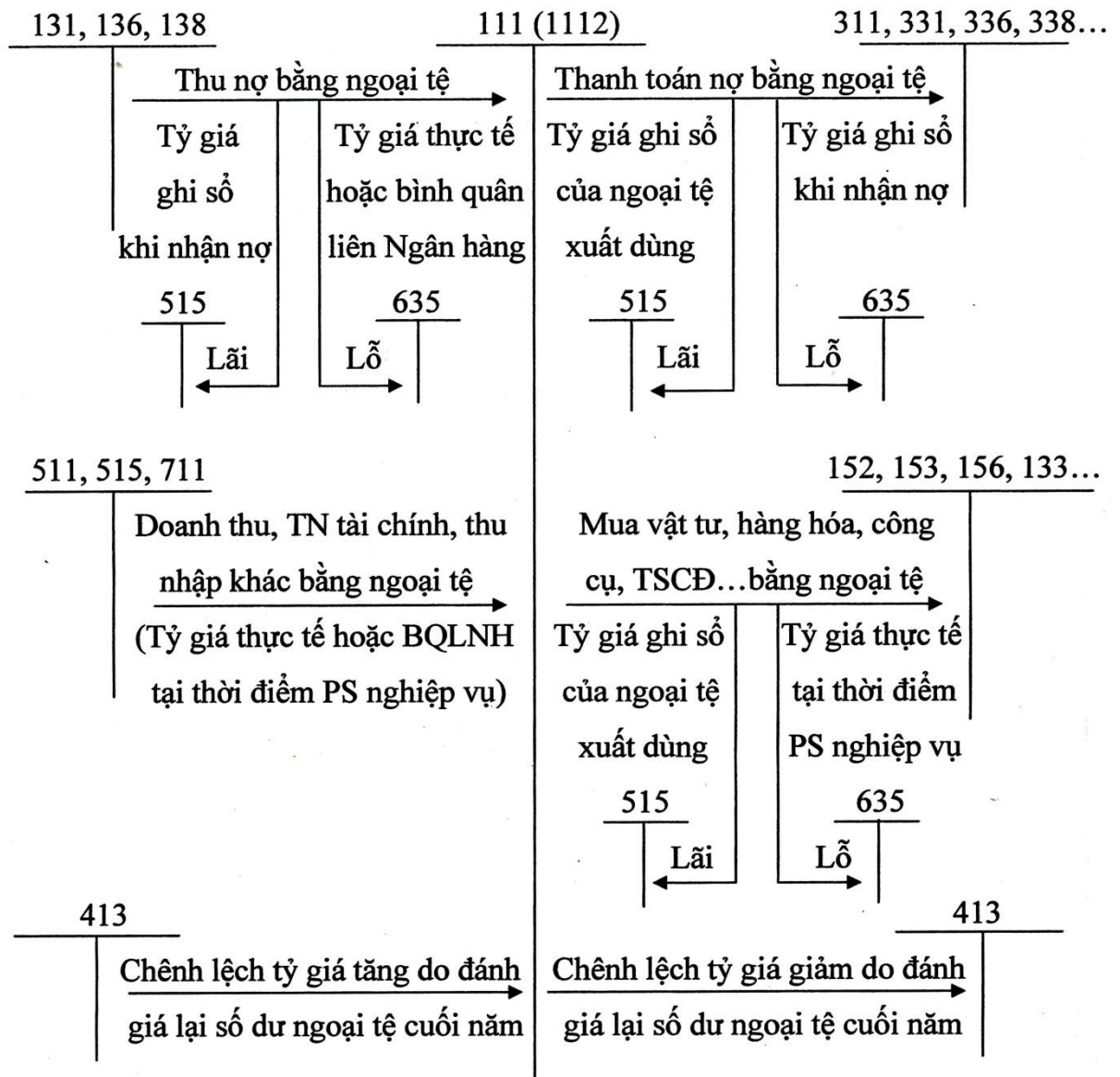
Số chênh lệch tỷ giá trong kỳ (Tổng PS Có – Tổng PS Nợ của TK413) được phản ánh vào TK 515 nếu kết quả là dương hoặc TK 635 nếu kết quả là âm.

TK 413 có hai TK cấp 2:

+ TK 4131: Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính

+ TK 4132: Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn ĐT XD CB

Sơ đồ hạch toán tiền mặt bằng ngoại tệ:



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007	
<p style="text-align: center;">Thu nợ bằng ngoại tệ</p> <p style="text-align: center;">- Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ</p>	<p style="text-align: center;">Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</p> <p style="text-align: center;">- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ</p>

Kế toán tiền mặt bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111(1113). Do vàng, bạc, kim khí, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán....

- Đối với vàng, bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở TK tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí, đá quý.

- Khi phát sinh nghiệp vụ có vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

- Khi xuất vàng, bạc, kim khí, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá trị thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng, bạc, kim khí, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

- Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711 “Thu nhập khác” hoặc TK 811 “chi phí khác”.

- Riêng vàng, bạc, kim khí, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại phải theo giá đó và phải đếm số lượng, cân trọng lượng và giám định chất lượng trước khi niêm phong.

III. Tổ chức công tác kế toán tiền gửi ngân hàng

1) Nguyên tắc kế toán TGNH

- Trong quá trình SXKD, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

- Khi mở TK ở Ngân hàng, doanh nghiệp phải đăng ký tên chủ TK, kế toán trưởng. Mọi thủ tục thanh toán qua Ngân hàng đều phải có đầy đủ chữ ký của họ.

- Căn cứ để hạch toán trên TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo có, Giấy báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi).

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có chênh lệch về số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu của chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì phải thông báo cho ngân hàng biết để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên Giấy báo Nợ, Giấy báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch nếu có ghi vào bên Nợ TK 138 – Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 – “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi trên sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở TK chuyên thu, chuyên chi hoặc mở TK thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc thanh toán, giao dịch. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng TK ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Mọi khoản tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp phải gửi vào Ngân hàng hoặc kho bạc hay công ty tài chính khi cần tiêu thụ doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng đòi hỏi phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi. Chứng từ hạch toán chi tiết các loại tiền gửi là các Giấy báo Nợ, Giấy báo Có hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản ...). Hàng ngày khi nhận được chứng từ do Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra và đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

2) Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán TGNH

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyển khoản, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi...).
- Ủy nhiệm thu (UNT), uỷ nhiệm chi (UNC)

Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng. TK 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 1122 - Ngoại tệ:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

+) *Kết cấu tài khoản:*

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng;

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

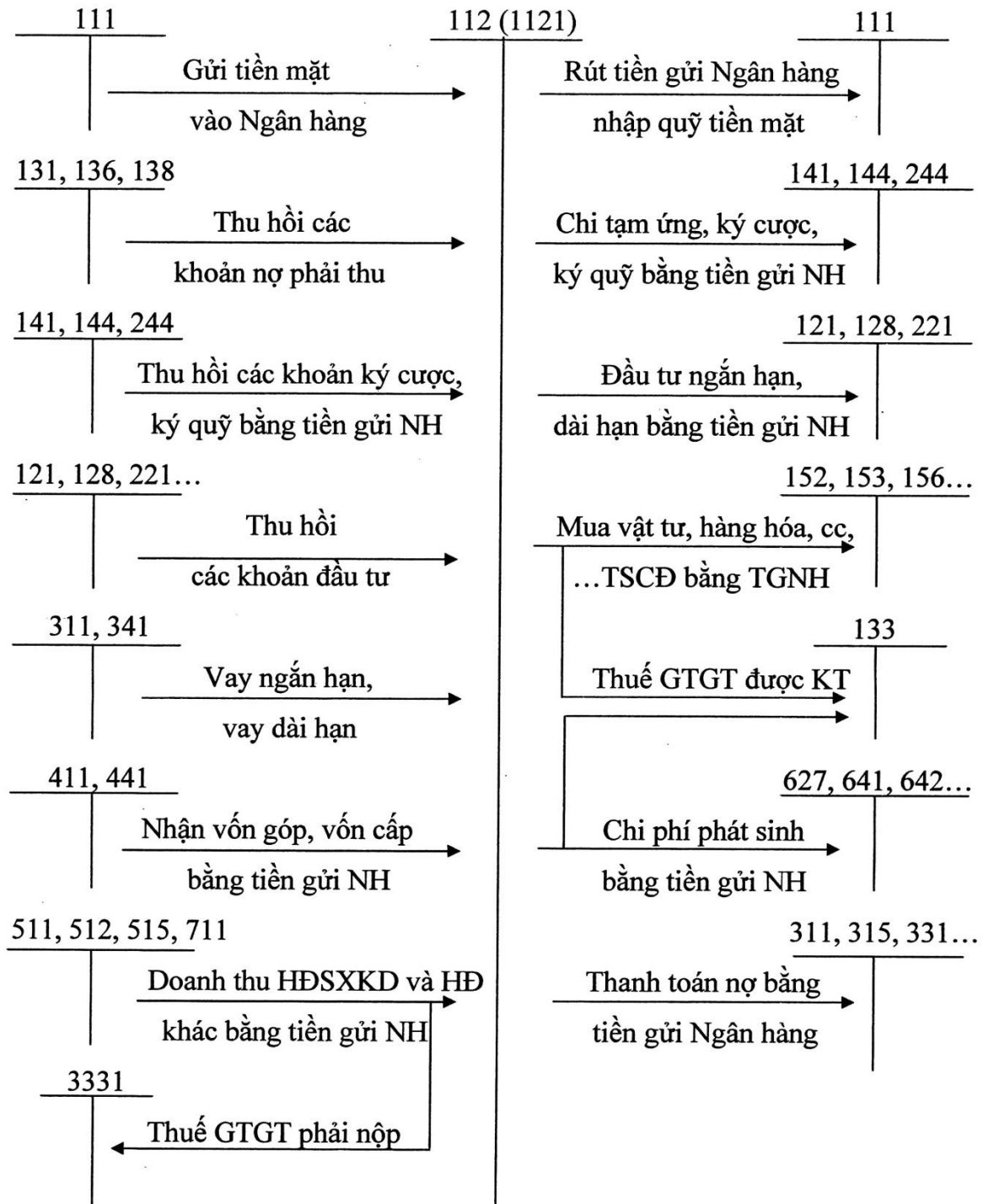
Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

3) Phương pháp hạch toán kế toán TGNH

a) Kế toán TGNH bằng tiền VN

Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ):



b) bảng ngoại tệ Kế toán TGNH

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân

trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

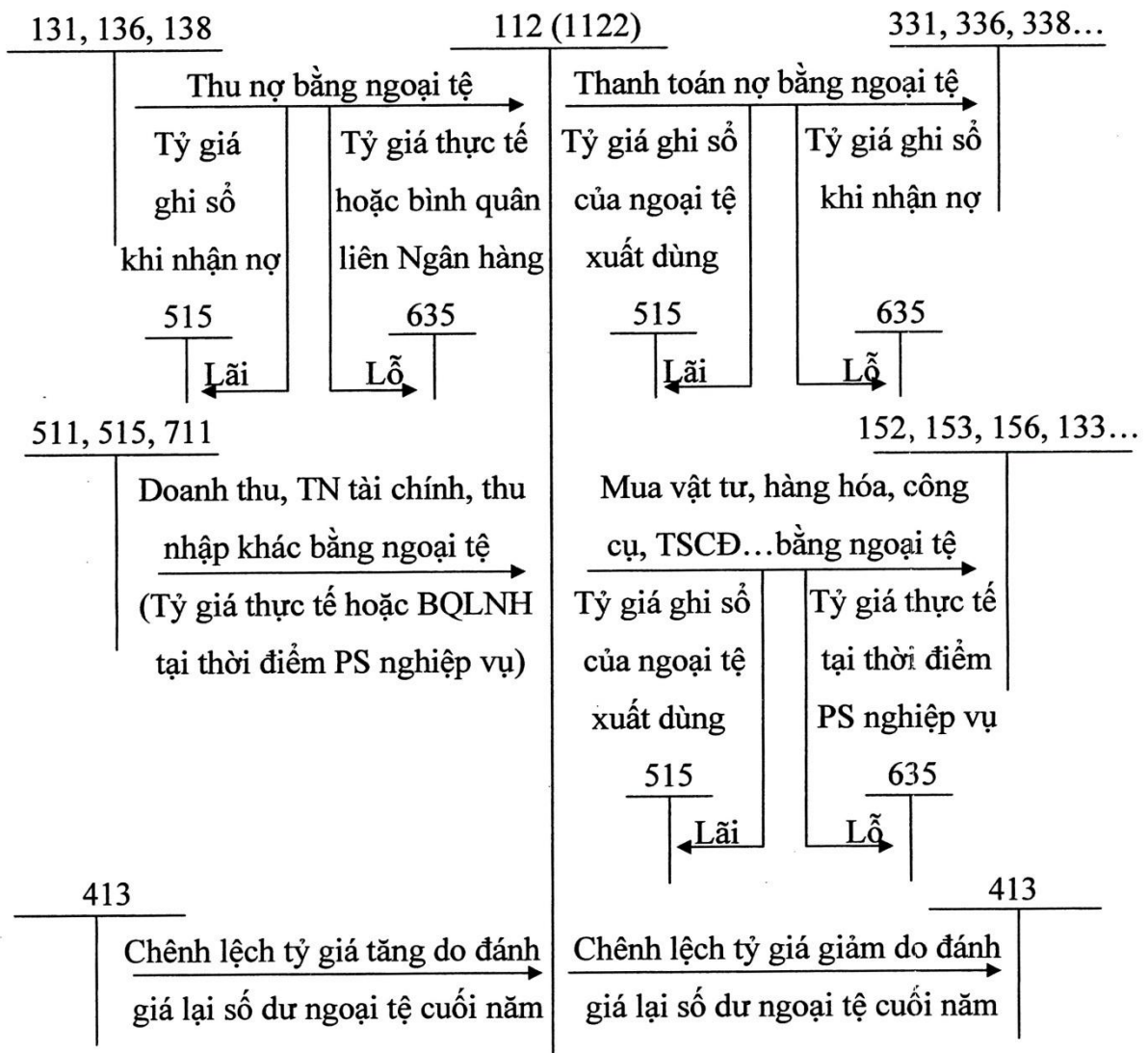
- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

- Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng (ngoại tệ):



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007	
Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

IV. Kế toán tiền đang chuyển

1) Nguyên tắc

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- + Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- + Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- + Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

2) Chứng từ, TK sử dụng

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền

Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:
- *Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam*: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- *Tài khoản 1132 - Ngoại tệ*: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

Kết cấu TK 113 – “Tiền đang chuyển”

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

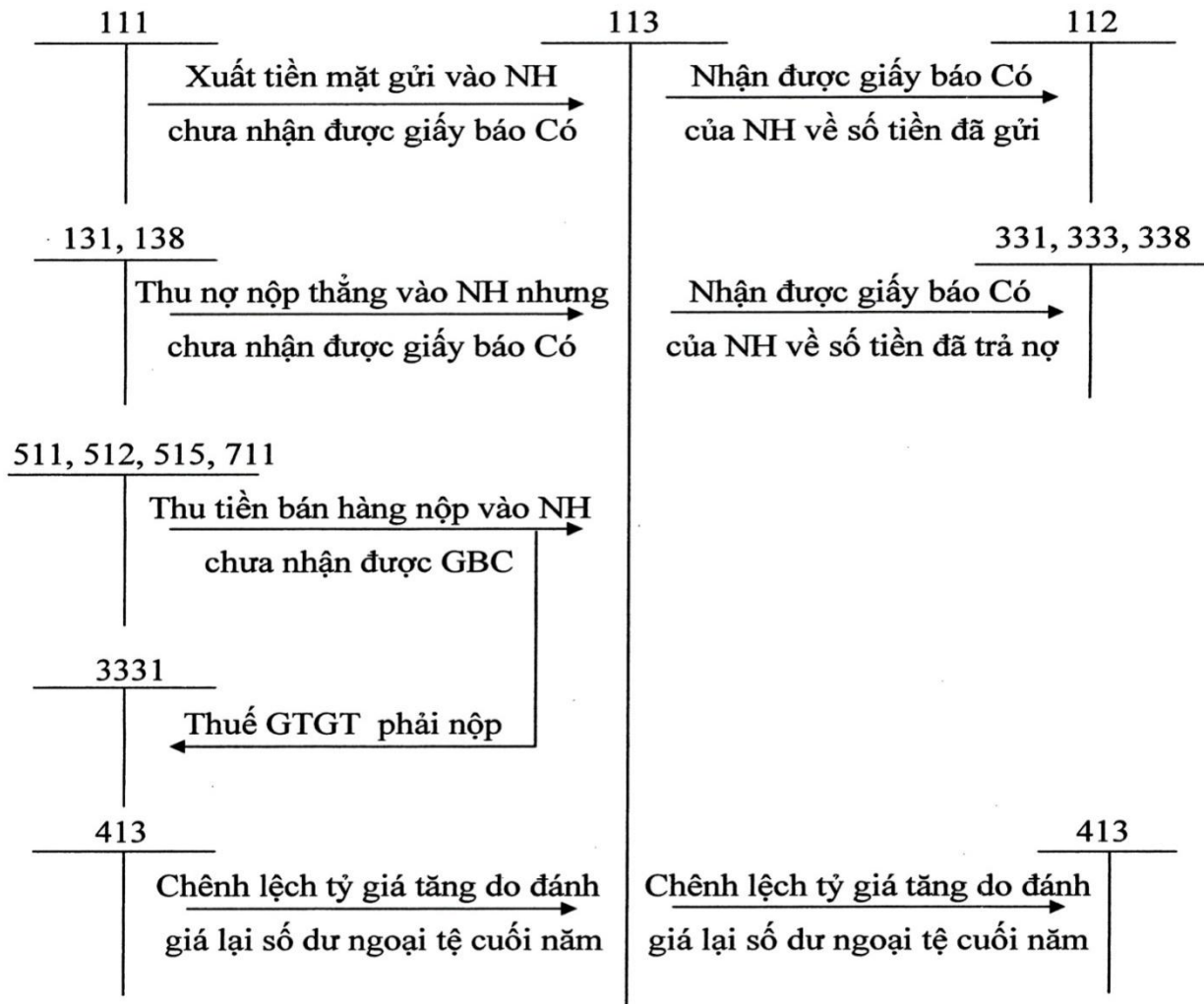
- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

3) Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển

Sơ đồ hạch toán tiền đang chuyển



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

I. Khái quát chung về chi nhánh công ty CP KD&PT Bình Dương tại Hải Phòng

1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC) được cổ phần hóa từ bộ phận kinh doanh thương mại của Công ty TM-ĐT và Phát triển (Becamex) vào ngày 01 tháng 4 năm 2002. TDC ngày càng phát triển vững chắc trên thương trường nhờ vào nền tảng kinh nghiệm, cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thúc đẩy công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Hòa cùng sự phát triển chung của tỉnh Bình Dương, TDC đã và đang góp phần làm thay đổi bộ mặt của tỉnh nhà với những dự án đầu tư xây dựng khu dân cư cao cấp như: dự án khu Biệt thự, Nhà phố liên kế. Song song đó TDC cũng không ngừng phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác như: sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất bê tông tươi, bê tông nhựa nóng, cầu kiện bê tông, thiết kế và xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh bất động sản...

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo phát triển bền vững. Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên TDC không ngừng tự hoàn thiện để hòa nhịp vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam trong xu hướng hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Với mong muốn chia sẻ những thành công và cơ hội cho tất cả mọi người đúng với phương châm hoạt động của TDC: kinh doanh không chỉ nhằm gia tăng những giá trị cho bản thân doanh nghiệp mà còn nhằm gia tăng những phúc

lợi cho xã hội. Qua đó tập thể TDC luôn mong muốn đem đến những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng ở hiện tại cũng như trong tương lai.

Phương châm hoạt động của công ty: “Luôn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng sản phẩm - dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất”.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1.Kinh doanh vật liệu xây dựng

Chuyên kinh doanh những mặt hàng của các nhà cung cấp có uy tín:

+ Sắt thép xây dựng các loại.

+ Xi măng các loại.

+ Đá

+ Ống nước dân dụng các loại của Tiền Phong – Vĩnh Khánh – Bình Minh.

+ Nhận gia công lắp đặt sắt kỹ nghệ (khung cửa sắt đối với các loại cửa đi và cửa sổ) với chất lượng cao, giá phải chăng.

2.Sản xuất vật liệu xây dựng

Chuyên sản xuất và kinh doanh: Bê tông trộn sẵn các loại, gổi cống, hố ga, nắp đan, gạch tự chèn.

3.Xây dựng

-Xây dựng dân dụng

-Xây dựng công nghiệp

4.Kinh doanh bất động sản

2.Những thuận lợi khó khăn của DN trong quá trình hoạt động

a.Thuận lợi:

- Đội ngũ nhân viên của công ty được nâng cao rõ rệt. Các cán bộ điều hành công ty cũng đã xác định được hướng đi rõ ràng để phát triển

-Hiện nay xây dựng là một ngành cũng đang phát triển nhanh chóng, sẽ có nhiều cơ hội cho công ty khẳng định mình

b.Khó khăn:

-Dù đang trên đà phát triển nhưng DN cũng là một trong những công ty mới thành lập còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng

-Những năm gần đây đất nước ta nói riêng và thế giới nói chung trong tình trạng khủng hoảng kinh tế nên công ty cũng không ngoại lệ

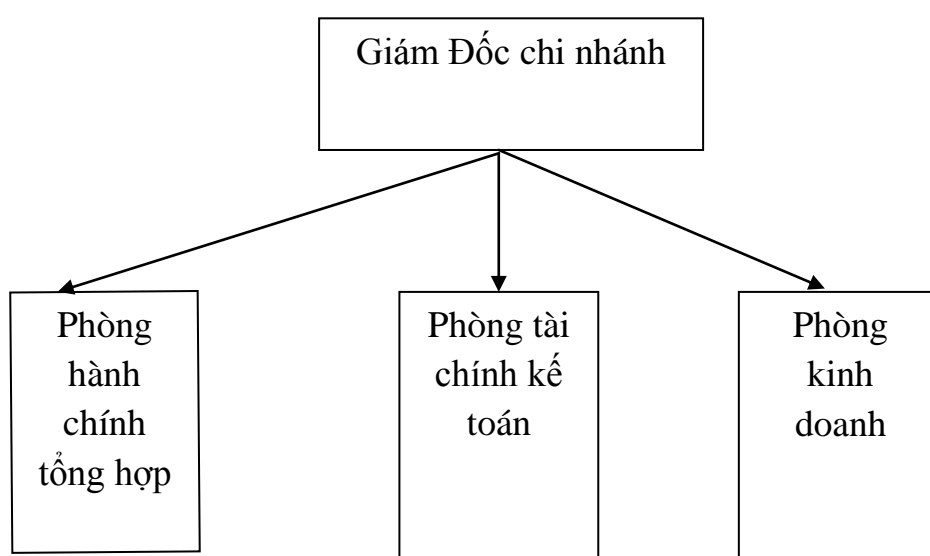
c. Những thành tích mà công ty đạt được trong những năm gần đây

Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn chú trọng đến việc đổi mới trang thiết bị và công nghệ đồng thời áp dụng chính sách quản lý sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng và bảo vệ thương hiệu của mình. Chính vì vậy, đầu năm 2007 sản phẩm của Công ty đã chính thức được công nhận sản phẩm đạt được chất lượng iso 9001. Mặc dù mới thành lập Công ty không tránh khỏi những khó khăn ban đầu, song cùng với sự nỗ lực của Ban giám đốc và nhân viên, công ty đã đứng vững và không ngừng phát triển, thể hiện công ty có nhiều chi nhánh các công ty con, điều đáng mừng là số lượng khách hàng ngày càng nhiều nên số lượng hàng sản xuất đều được tiêu thụ hết.

Sau một thời gian xây dựng, phát triển và trưởng thành đến nay Công ty Cổ Phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã có sự phát triển vượt bậc, sản lượng hàng hoá hàng năm tăng nhanh dẫn đến thu nhập hàng tháng của công nhân viên ngày càng cao

3)Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của chi nhánh



Chức năng của các phòng ban như sau:

Giám đốc: Quản lý mọi hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước tổng công ty về hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

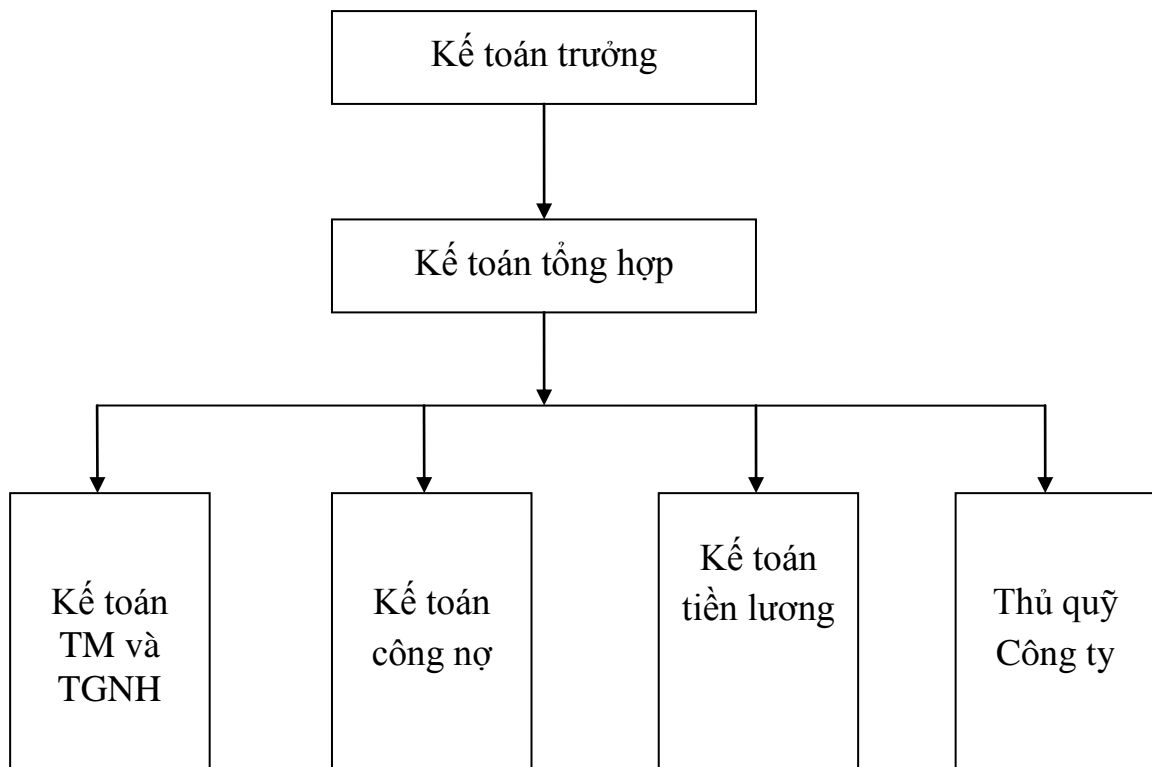
- Phòng hành chính tổng hợp: Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sx, kinh doanh. Chịu trách nhiệm lo các vấn đề về nhân sự của công ty, tổ chức quản lý điều hành công ty.

- Phòng tài chính kế toán: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc công ty, thực hiện hoạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty, lập các báo cáo tài chính theo tháng, quý, năm.

- Phòng kinh doanh: Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm bạn hàng kinh doanh. Tổ chức kế toán, chiến lược kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ quản lý các bộ phận kinh doanh bê tông cột thép.

4) Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại chi nhánh công ty

4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty



Sơ đồ 4.1. Mô hình bộ máy kế toán của Công ty

Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ xuất phát từ sự phân công LĐ phân hành trong bộ máy kế toán. Mỗi cán bộ nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, để từ đó tạo thành mối liên hệ có tính vị trí, lệ thuộc, chế ước lẫn nhau. Guồng máy kế toán hoạt động hiệu quả là do sự phân công, tạo lập mối quan hệ giữa các kế toán theo tính chất khác nhau.

❖ **Đứng đầu là kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác hạch toán ở đơn vị, chỉ đạo hạch toán các khâu, các bộ phận kế toán. Kế toán trưởng có nhiệm vụ quan trọng trong việc thiết kế phương án tự chủ tài chính đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn của Công ty, như: việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm ra biện pháp tăng nhanh vòng quay vốn, tăng lợi nhuận cho Công ty.

❖ **Kế toán tổng hợp** (phó phòng kế toán): cùng kế toán trưởng chỉ đạo hạch toán ở bộ phận kế toán, tập trung các phân hành kế toán riêng của từng kế toán chi tiết lên sổ tổng hợp, sau đó đối chiếu và tập hợp báo cáo tổng hợp, lên báo cáo quyết toán.

❖ **Kế toán tiền mặt và ngoại tệ:** Có trách nhiệm mở sổ kế toán "quỹ tiền mặt", hàng ngày ghi chép tình hình nhập-xuất-tồn quỹ tiền mặt. Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi và lập báo cáo về tình hình tăng giảm tiền mặt cũng như ngoại tệ của Công ty.

❖ **Kế toán công nợ:** theo dõi và hạch toán toàn bộ quá trình nhập hàng hoá và thanh toán cho người bán. Thường xuyên đối chiếu với kế toán bán hàng.

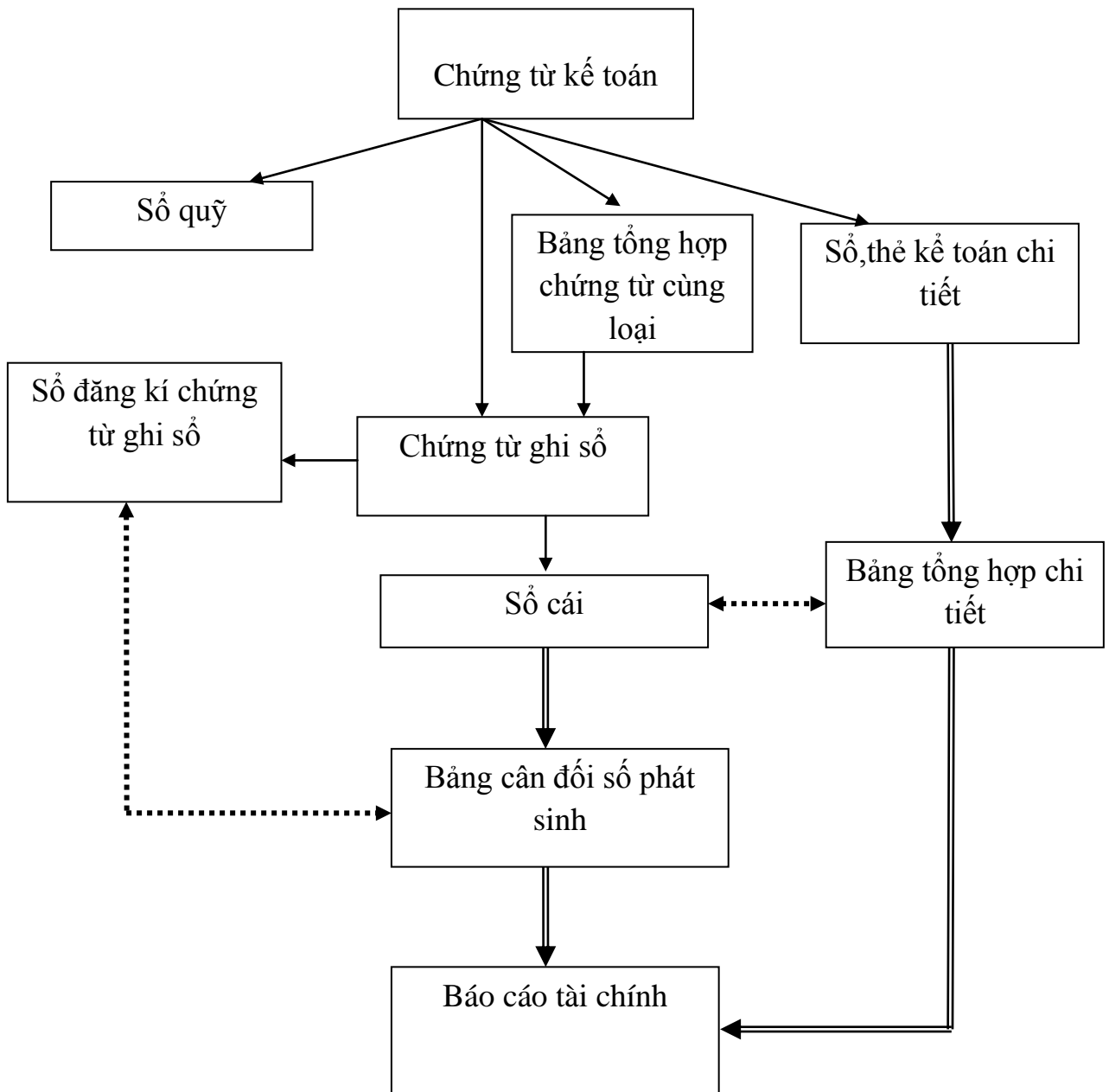
❖ **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:** quản lý, theo dõi lao động về mặt số lượng. Lập bảng thanh toán tiền lương và bảo hiểm xã hội căn cứ vào khung bậc lương và kết quả lương cho từng người.

❖ **Thủ quỹ:** chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi tiền mặt, phải có chứng từ kế toán hợp lệ chứng minh, chứng từ phải có chữ ký của Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng.

4.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Chi nhánh công ty

Đối với công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương thì căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ kế toán, hình thức kế toán của công ty áp dụng là hình thức **Chứng từ ghi sổ**

Sơ đồ 4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Kiểm tra, đối chiếu

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán sẽ vào sổ quỹ hoặc sổ thẻ chi tiết và tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sau đó dùng để ghi vào sổ cái, các chứng từ kế toán sau khi vào sổ, thẻ chi tiết sẽ được tập hợp bằng tổng hợp chi tiết dùng để đối chiếu kiểm tra với sổ cái.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng TK trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập BCD số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập BCTC.

- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên BCD số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên BCD số phát sinh phải bằng nhau và số dư của tài khoản trên BCD số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết .

4.3.Các chính sách kế toán của công ty

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho được xác định theo giá gốc.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho, công ty áp dụng theo hình thức kê khai thường xuyên.
- Phương pháp hạch toán hàng xuất kho theo phương pháp bình quân ra quyền cả kỳ dự trữ.

❖ Phương pháp kế toán TSCĐ

- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ theo trị giá gốc.

- Phương pháp khấu hao, thời gian sử dụng, tỷ lệ khấu hao TSCĐ HH, TSCĐ VH, khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng

Mức khấu hao TSCĐ năm = Nguyên giá TSCĐ x Tỷ lệ khấu hao

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao bq năm}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao năm} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng}}$$

❖ Phương pháp kế toán thuế

Công ty đã tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

II. Thực trạng công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng

1. Kế toán tiền mặt tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng

1.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

Mọi nghiệp vụ thu, chi tại Công ty đều căn cứ vào chứng từ gốc: Phiếu thu (Mã số 01-TT), Phiếu chi (Mã số 02-TT) kèm theo các chứng từ có liên quan khác như Hoá đơn GTGT, Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03-TT), Giấy thanh toán tạm ứng (Mã số 04-TT), Giấy đề nghị thanh toán (Mã số 05-TT)

➤ Quy trình lập phiếu thu, phiếu chi tại Công ty.

- Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần).
 - + Liên 1: lưu ở nơi lập phiếu
 - + Liên 2: thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng với chứng từ gốc để ghi vào sổ kế toán.
 - + Liên 3: giao cho người nộp tiền.
 - Phiếu thu được lập căn cứ vào hoá đơn GTGT Liên 3: Nội bộ
 - Phiếu chi do kế toán lập thành 2 liên (hoặc 3 liên trong trường hợp các Tổng Công ty chi tiền cho đơn vị cấp dưới) (đặt giấy than viết 1 lần)
 - + Liên 1: lưu ở nơi lập phiếu
 - + Liên 2: thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán thanh toán cùng với chứng từ gốc để ghi vào sổ kế toán.
 - + Liên 3 (nếu có): giao cho người nhận tiền để làm chứng từ gốc lập phiếu thu và nhập quỹ của đơn vị nhận tiền.
- Phiếu chi được lập căn cứ vào hoá đơn GTGT Liên 2: Giao cho khách hàng

Sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu thu, phiếu chi sẽ được đính kèm với các chứng từ khác có liên quan trong nghiệp vụ để chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt. Tiếp theo chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập,

xuất quỹ. Phiếu thu, phiếu chi phải đóng thành quyển và ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu, phiếu chi phải ghi số quyển và số của từng phiếu thu, phiếu chi. Số phiếu thu, phiếu chi phải đánh liên tục trong 1 kỳ kế toán để tránh các trường hợp gian lận, biến thủ công quỹ. Kế toán vốn bằng tiền ghi đầy đủ nội dung thu trên phiếu và ký tên, sau đó chuyển cho kế toán trưởng xem xét và giám đốc ký duyệt chuyên cho thủ quỹ làm thủ tục nhập, xuất quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền được nhập, xuất quỹ (bằng cả chữ) vào phiếu thu, phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên.

➤ *Giấy đề nghị tạm ứng tại Công ty:*

- Giấy đề nghị tạm ứng do người xin tạm ứng viết một liên và ghi rõ gửi người xét duyệt tạm ứng. Sau khi ghi đầy đủ các nội dung trong giấy (họ tên, đơn vị, số tiền tạm ứng, lý do tạm ứng.....)

- Đối với việc xuất quỹ cho những người nhận tạm ứng, kế toán chỉ lập phiếu chi và chi tiền khi người tạm ứng có giấy đề nghị thanh toán tạm ứng đã được kế toán trưởng và giám đốc đồng ý cho tạm ứng.

- Đến thời hạn thanh toán tạm ứng kế toán lập giấy thanh toán thanh toán tạm ứng chuyển cho kế toán trưởng xem xét và giám đốc ký duyệt. Giấy thanh toán tạm ứng kèm theo chứng từ gốc dùng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp thu hồi ngay kế toán lập phiếu thu ghi rõ nội dung thu là thu hồi tạm ứng hoặc hoãn lại tạm ứng.

- Phần chi quá số tạm ứng làm thủ tục xuất quỹ trả lại cho người tạm ứng. Chứng từ gốc, giấy thanh toán phải kèm với phiếu thu hoặc phiếu chi có liên quan.

❖ *Sổ sách sử dụng*

- Sổ quỹ tiền mặt
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái Tk111....

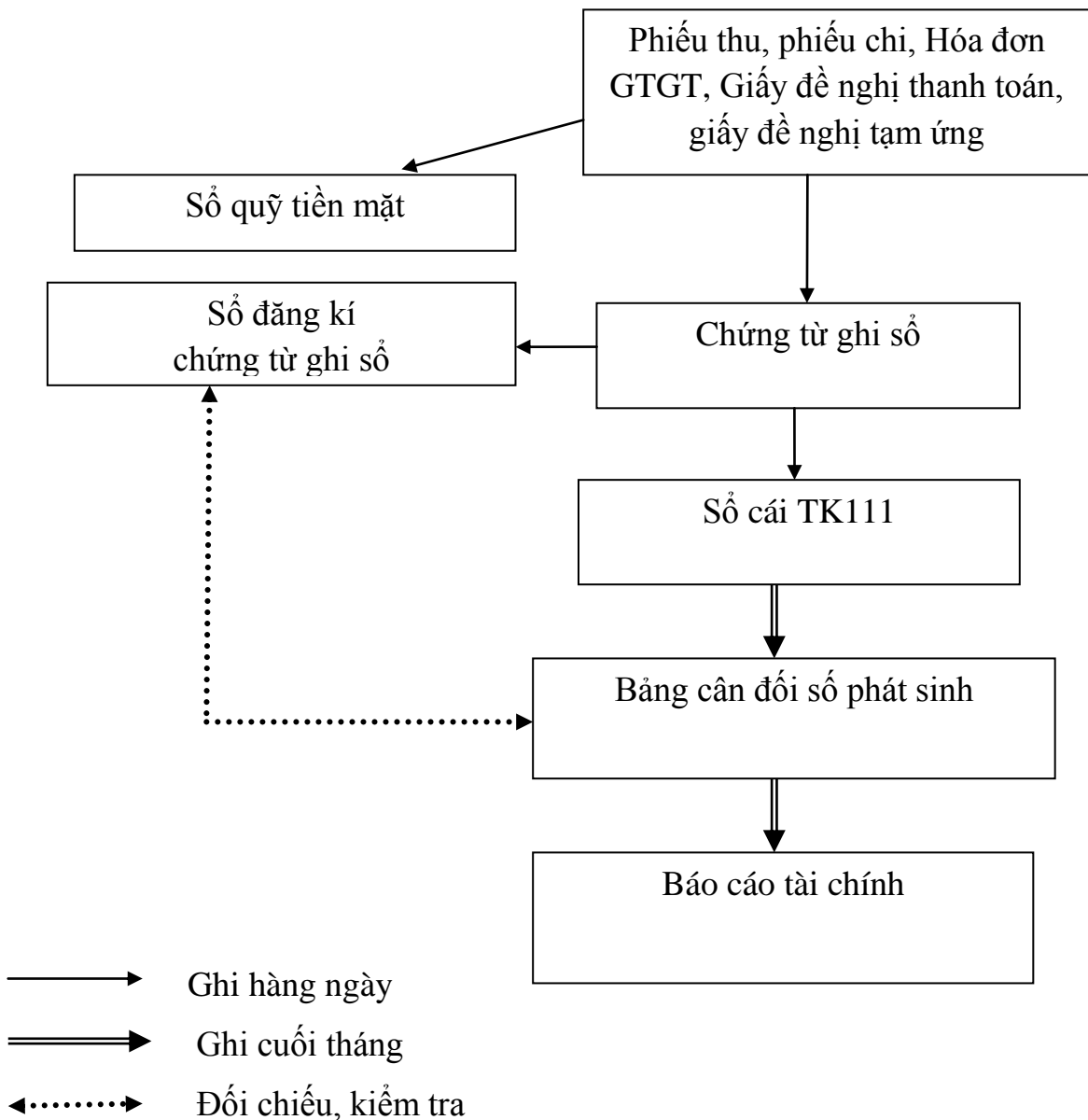
❖ *TK sử dụng*

Tại quỹ của Công ty chỉ gồm 1 loại tiền duy nhất là tiền Việt Nam đồng không có ngoại tệ, vàng bạc đá quý nên Công ty chỉ sử dụng duy nhất 1 loại

TK để hạch toán tiền mặt tại Công ty là TK 111 – Tiền mặt và được chi tiết thành TK 1111 – Tiền mặt tại quỹ.

1.2. Quy trình hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT, giấy đề nghị tạm ứng, Kế toán tiền mặt ghi vào Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK tương ứng như các TK liên quan: TK 112, TK133, TK642,..... đồng thời thủ quỹ vào Sổ quỹ tiền mặt. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng như sau:



Trong tháng 12/2011, Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

Một số nghiệp vụ thu tiền mặt

❖ **Nghiệp vụ 1:** Ngày 2/12/2011 Công ty TNHH Anh Thư thanh toán tiền mua xi măng cho công ty là 52.173.000

Khi đó kế toán của Công ty đã lập hoá đơn bán hàng HĐ GTGT 0046265 thành 3 liên: Liên 1: lưu giữ, Liên 2: giao cho khách hàng, Liên 3: dùng làm căn cứ ghi sổ

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT 0046265(biểu số 1.1.1), phiếu thu(biểu số 1.1.2), kế toán lập chứng từ ghi sổ(biểu số 1.2), căn cứ vào chứng từ ghi sổ lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ(biểu số 1.4), và sổ cái TK111(biểu số 1.5) đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt(biểu số 1.1)

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT-3LL
AA/11P
0046265

Liên3:Nội bộ
Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng:CN công ty CP KD&PT Bình Dương tại HP

Địa chỉ: Ngô Yên-An Hồng-An Dương-HP

Điện thoại MS:

0	2	0	2	7	0	5	1	9	8			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Họ và tên người mua hàng:Công ty TNHH Anh Thu

Địa chỉ: Đình Vũ-HP

Điện thoại: MS:

0	2	0	0	6	0	5	8	7	7			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Hình thức thanh toán:TM

ST T	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Xi măng	Kg	52.700	900	47.430.000
Cộng tiền hàng:47.430.000					
Thuế suất thuế GTGT:10%				Tiền thuế GTGT:4.743.000	
Tổng cộng tiền hàng:52.173.000					
Số tiền bằng chữ:năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng					

Người mua hàng

(ký,họ tên)

Người bán hàng

(ký,họ tên)

Thủ trưởng đv

(ký,họ tên,đóng dấu)

(Cần kiểm tra,đối chiếu khi lập,giao,nhận hóa đơn)

Biểu số 1.1.1:Hóa đơn GTGT số 0046265

Đơn vị: **CN CTY CỔ PHẦN KD&PT BD TẠI HP**

Mẫu số 01-TT

Địa chỉ: **NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN DƯƠNG-HP**

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Số PT12-004

Ngày 02/12/2011

TK nợ 111

TK có 511,3331

Người nộp tiền : Nguyễn Văn Anh

Địa chỉ: Công ty TNHH Anh Thu

Lý do nộp: Thu tiền hàng

Số tiền: 52.173.000 VNĐ

Bằng chữ: năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng /

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Ngày:02/12/2011

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Kế toán t.toán	Thủ quỹ	Người nộp
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng/

Biểu số 1.1.2:Phiếu thu PT12-004

Một số nghiệp vụ chi tiền mặt

❖ **Nghiệp vụ 2:** Ngày 10/12/2011: Tạm ứng tiền đi công tác cho anh Lê Minh – Cán bộ phòng kinh doanh , số tiền 2.000.000 đồng

Anh Minh căn cứ vào tính chất công việc được giao công tác và theo quy định tạm ứng công tác của Công ty để viết Giấy đề nghị tạm ứng (Biểu số 1.3.1). Giám đốc và kế toán trưởng duyệt chi.

Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng đã có đầy đủ chữ ký, kế toán lập phiếu chi (Biểu số 1.3.2). Sau khi thủ quỹ chi tiền xong ghi vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 1.1) đồng thời chuyển cho kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 1.3), Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 1.4), Sổ cái TK 111 (Biểu số 1.5)

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính

Đơn vị: CN CTY CỔ PHẦN KD&PT BD TẠI HP

Mẫu số 03-TT

Địa chỉ: NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN DƯƠNG-HP

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày : 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc CN công ty CP KD&PT Bình Dương tại Hải Phòng

Họ tên người đề nghị thanh toán: Lê Minh

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Đề nghị cho tạm ứng số tiền : 2.000.000đ (Viết bằng chữ: Hai triệu đồng chẵn./.)

Lý do tạm ứng: Tạm ứng đi công tác Hà Nội

Thời hạn thanh toán: Sau chuyển công tác

Hải Phòng , ngày 10 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người đề nghị tạm ứng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 1.3.1: Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: CN CTY CỔ PHẦN KD&PT BD TẠI HP

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN DƯƠNG-HP

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số PC12-025

Ngày 10/12/2011

TK nợ 141

TK có 111

Chi cho : Lê Minh
Địa chỉ : Phòng kinh doanh
Lý do chi : Tạm ứng công tác phí
Số tiền: : 2.000.000 VNĐ
Bằng chữ : Hai triệu đồng chẵn./.
Kèm theo: Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--------------------------------	--

Biểu số 1.3.2: Phiếu chi PC12-025

❖ **Nghiệp vụ 3:** Ngày 12/12/2011 CN công ty Cp KD&PT Bình Dương tại HP mua hàng của Công ty TNHH TMDV XNK Phú Thành, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HD GTGT số 0046776 (Biểu số 1.4.1), người mua hàng lập giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 1.4.2). Kế toán căn cứ vào các chứng từ trên để lập phiếu chi (Biểu số 1.4.3). Sau đó lập Chứng từ ghi sổ (Biểu số 1.3), từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 1.4) Sổ cái TK 111 (Biểu số 1.5) và Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 1.1).

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT-3LL
AA/11P
0046776

Liên2:Giao khách hàng
Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TMDV XNK Phú Thành

Địa chỉ: P . Hàng Kênh – Lê Chân - HP

Điện thoại MS:

5	7	0	0	9	8	5	1	4	3	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Họ và tên người mua hàng:CN Cty Cp KD&PT Bình Dương tại HP

Địa chỉ: Ngô Yên-An Hồng-An Dương-Hải Phòng

Điện thoại: MS:

0	2	0	2	7	0	5	1	9	8	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Hình thức thanh toán:TM

ST T	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Dây điện HQ 2x2.5	m	1.500	10.000	15.000.000
Cộng tiền hàng:					15.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 1.500.000	
Tổng cộng tiền hàng:					16.500.000
Số tiền bằng chữ: mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn ./.					

Người mua hàng

(ký,họ tên)

Người bán hàng

(ký,họ tên)

Thủ trưởng đv

(ký,họ tên,đóng dấu)

(Cần kiểm tra,đổi chiếu khi lập,giao,nhận hóa đơn)

Biểu số 1.4.1:Hóa đơn GTGT số 0046776

Đơn vị: **CN CTY CP KD&PT BD TẠI HP**

Mẫu số 05-TT

Địa chỉ: **NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN DƯƠNG-HP**

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày : 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc Chi nhánh công ty CP Kinh doanh và Phát triển BD tại HP

Họ tên người đề nghị thanh toán: Hoàng Minh Tuấn

Địa chỉ : Phòng kế toán

Nội dung : Thanh toán tiền mua dây điện

Số tiền : 16.500.000đ

Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Hải Phòng , ngày 12 tháng 12 năm 2011

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 1.4.2:Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: CN CTY CỔ PHẦN KD&PT BD TẠI HP

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN DƯƠNG-HP

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số PC12-030

Ngày 12/12/2011

TK nợ 156

TK nợ 133

TK có 111

Chi cho : Hoàng Minh Tuấn
Địa chỉ : Phòng kế toán-tài chính
Lý do chi : Thanh toán tiền mua dây điện
Số tiền: : 16.500.000 VNĐ
Bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.
Kèm theo: Hóa đơn GTGT, Giấy đề nghị thanh toán

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--------------------------------	--

Biểu số 1.4.3: Phiếu chi PC12-030

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 12/2011

NT ghi số	SH chứng từ		Diễn giải	Số tiền		Tồn quỹ
	Thu	Chi		Thu	Chi	
			Tồn đầu tháng 12			79.314.088
.....
2/12/11	PT12-004		Thu tiền hàng	52.173.000		98.256.325
		PC12-001	Trả tiền hàng		87.156.325	89.540.700
.....
5/12/11	PT12-012		Rút TGNH nhập quỹ TM	150.000.000		152.678.256
	PT12-013		Thu tiền hàng	78.195.000		230.873.256
7/12/11		PC12-018	Mua đồ dùng văn phòng phẩm		5.115.000	235.988.256
.....
10/12/11		PC12-025	Tạm ứng công tác phí		2.000.000	72.597.325
		PC12-026	Ứng tiền hàng		36.000.000	36.597.325
12/12/11		PC12-030	Thanh toán tiền mua dây điện		16.500.000	25.325.125
.....
			Cộng	687.957.404	741.372.992	25.898.500

Thủ quỹ
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên,đóng dấu)

Biểu số 1.1:Sổ quỹ Tiền mặt

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:706

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....
Thu tiền hàng của công ty Anh Thu	111	511	47.430.000	
+Thuế VAT	111	3331	4.743.000	
Nộp tiền BHYT,BHXH	111	3383	1.100.752	
Thu tiền hàng của Cty Bách Thảo	111	511	3.360.000	
+Thuế VAT	111	333	336.000	
Rút TGNH nhập quỹ TM	111	112	50.000.000	
.....
Cộng			687.957.404	

Người lập

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Biểu số 1.3: Chứng từ ghi sổ số 706

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:707

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....
Tạm ứng	141	111	2.000.000	
Thanh toán tiền hàng cho cty Phú Thành	156	111	15.000.000	
+Thuế VAT được khấu trừ	133	111	1.500.000	
Xuất TM gửi NH	112	111	100.000.000	
TT tiền điện thoại T12	642	111	3.423.000	
+VAT được khấu trừ	133	111	342.300	
.....	
Cộng			741.372.992	

Người lập
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Biểu số 1.3:Chứng từ ghi sổ số 707

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT	
.....
706	31/12/2011	687.957.404
707	31/12/2011	741.372.992
708	31/12/2011	1.280.435.678
.....
730	31/12/2011	25.350.440
.....
Cộng tháng		32.583.159.672
Cộng lũy kế từ đầu quý		385.440.696.245

Người lập

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Giám đốc

(ký,họ tên,đóng dấu)

Biểu số 1.4:Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDDK</u>		<u>174.225.560</u>	
...		
			Số phát sinh trong tháng T12			
31/12	706	31/12	Thu tiền hàng của công ty Anh Thư	511	47.430.000	
			+Thuế VAT	3331	4.743.000	
			Nộp tiền BHYT, BHXH	3383	1.100.752	
			Thu tiền hàng của Cty Bách Thảo	511	3.360.000	
			+Thuế VAT	333	336.000	
			Rút TGNH nhập quỹ TM	112	50.000.000	
..		
31/12	707	31/12	Tạm ứng	141		2.000.000
			Thanh toán tiền hàng cho cty Phú Thành	156		15.000.000
			+Thuế VAT được khấu trừ	133		1.500.000
			Xuất TM gửi NH	112		100.000.000
			TT tiền điện thoại T12	642		3.423.000
			+VAT được khấu trừ	133		342.300
...	
			Cộng số ps		46.735.217.636	46.883.574.696
			<u>Số dư cuối năm</u>		<u>25.898.500</u>	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 1.5: Sổ cái TK 111 (trích tháng 12/2011)

2. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ thanh toán cho nhà cung cấp, thanh toán cho khách hàng, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các tổ chức, với cơ quan BHXH,.... Để giảm thiểu rủi ro, tránh nhầm lẫn, mất mát khi di chuyển đặc biệt ở những nơi xa nhau nên trong quá trình giao dịch Công ty thường thực hiện thanh toán qua Ngân hàng không dùng tiền mặt. Hơn thế nữa gửi tiền tại Ngân hàng cũng là một cách đầu tư sinh lời tránh để đồng vốn nằm rỗi tại Công ty

Tại CN công ty CP kinh doanh và phát triển Bình Dương tại HP, kế toán tiền gửi Ngân hàng phải phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi Ngân hàng của Công ty đều căn cứ vào các chứng từ như: Giấy báo nợ, lệnh chuyển có, hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo chứng từ gốc như Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản.....

Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi đến kế toán TGNH của Công ty tiến hành kiểm tra, đối chiếu chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa sổ sách kế toán của Công ty với chứng từ của Ngân hàng gửi đến thì kế toán TGNH phải thông báo với Ngân hàng để kịp thời xác minh đối chiếu, xử lý. Nếu cuối tháng vẫn chưa xác định được nguyên nhân thì lấy số liệu Ngân hàng làm chuẩn, phần chênh lệch tạm thời chuyển vào bên Nợ TK 138 hoặc bên Có TK 338. Sang tháng sau, sau khi đối chiếu với Ngân hàng tìm được nguyên nhân thì sẽ điều chỉnh lại. Còn số liệu hai bên cân đối căn cứ vào Giấy báo nợ, Giấy báo có của Ngân hàng kế toán TGNH hạch toán chi tiết trên sổ TGNH để theo dõi cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Công ty mở TK giao dịch tại Ngân hàng hàng hải Việt Nam

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Giấy báo Có

- Các chứng từ khác như: Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, Séc chuyển khoản,....

❖ *Tài khoản sử dụng*

Để phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có về các TK tiền gửi của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 112

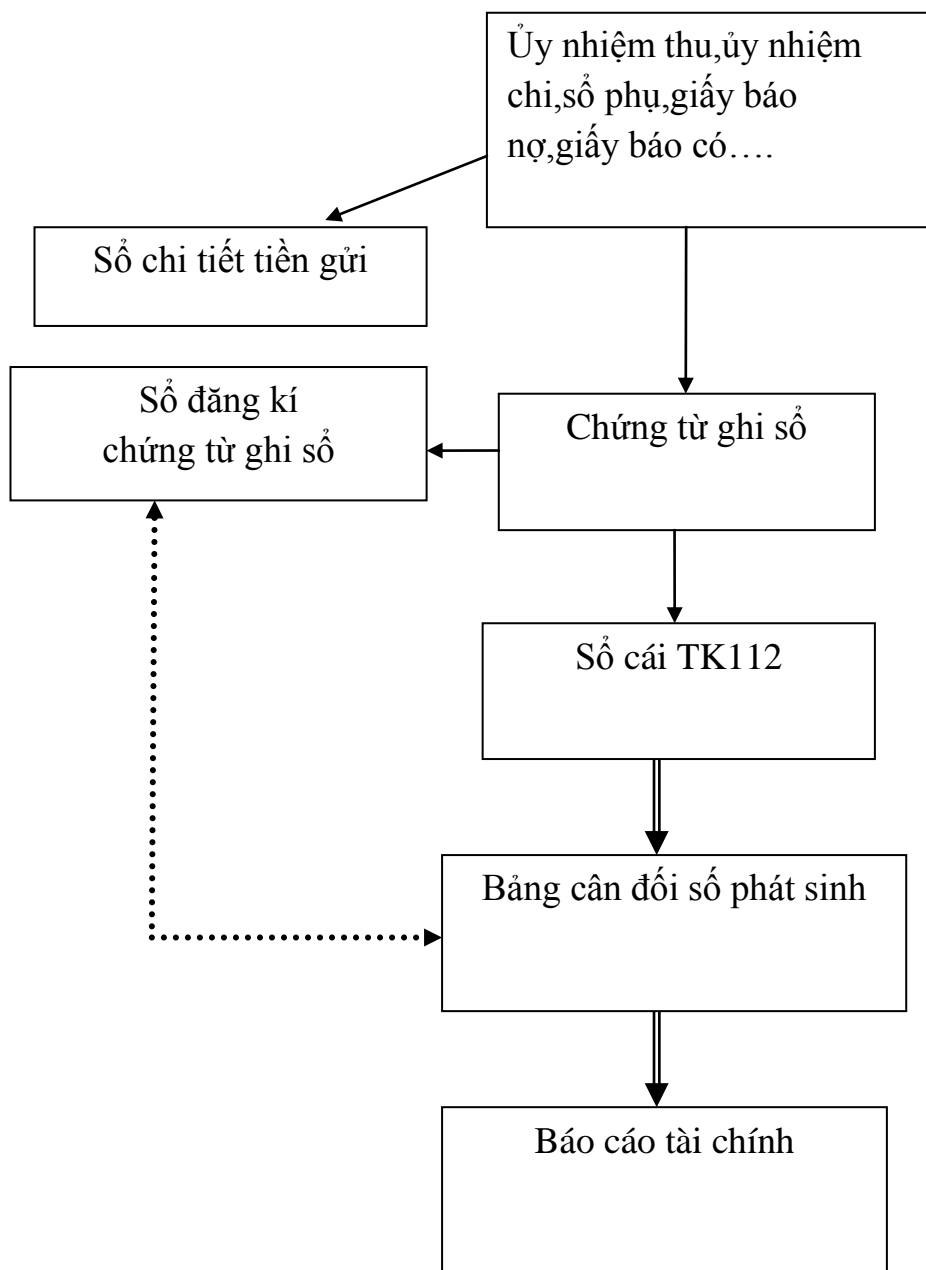
2.2. Quy trình hạch toán

Quy trình luân chuyển chứng từ TGNH diễn ra gần tương tự như quy trình luân chuyển chứng từ tiền mặt.

Đối với những nghiệp vụ làm tăng, giảm TGNH căn cứ vào những chứng từ gốc như giấy đề nghị vay tiền, giấy đề nghị thanh toán, HĐGTGT... đã được giám đốc Công ty và kế toán trưởng ký duyệt kế toán Ngân hàng sẽ lập các Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, séc, lệnh chi sau đó chuyển các chứng từ này cho Ngân hàng. Sau khi nhận được Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của Ngân hàng, kế toán Ngân hàng tiến hành ghi sổ kế toán chi tiết TGNH, sổ quỹ TGNH rồi chuyển cho kế toán tổng hợp ghi sổ tổng hợp. Kế toán Ngân hàng chịu trách nhiệm báo quản và lưu trữ số chứng từ này .

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc như Giấy báo Nợ, lệnh chuyển Có, bản sao kê chi tiết TK, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Từ CTGS kế toán vào sổ cái TK 112.

Quy trình hạch toán TGNH tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng được phản ánh qua sơ đồ sau:



- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ◄.....> Đối chiếu, kiểm tra

Một số nghiệp vụ tăng TGNH

- ❖ **Nghiệp vụ 1:** Ngày 03/12/2011 xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng MSB, số tiền là 100.000.000 đồng

Kế toán viết phiếu chi (Biểu số 2.1.1)

Khi phát sinh nghiệp vụ nộp tiền mặt vào ngân hàng, kế toán mang tiền đến ngân hàng Hàng Hải Việt Nam để nộp, tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam phát hành giấy nộp tiền (Biểu số 2.1.2) ghi nhận CN công ty CP kinh doanh và phát triển Bình Dương tại HP đã nộp

Cuối ngày kế toán căn cứ phiếu nộp tiền do ngân hàng chuyển đến để ghi sổ kế toán, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.1). Căn cứ các chứng từ gốc có liên quan, kế toán lập chứng từ ghi sổ 708 (Biểu số 2.2), từ đó vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.4), đồng thời vào sổ cái TK112 (Biểu số 2.5)

Cuối quý tổng hợp từ sổ cái vào Báo cáo tài chính

Đơn vị: CN CTY CỔ PHẦN KD&PT BD TẠI HP

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN DƯƠNG-HP

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số PC12-005

Ngày 03/12/2011

TK nợ 112

TK có 111

Chi cho : Nguyễn Phương Thảo
Địa chỉ : Phòng kế toán-tài chính
Lý do chi : Xuất quỹ TM gửi ngân hàng
Số tiền: : 100.000.000 VNĐ
Bằng chữ : Một trăm triệu đồng chẵn./.
Kèm theo:

Ngày 03 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--------------------------------	--

Biểu số 2.1.1: Phiếu chi số PC12-005



Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam

Liên 2/Copy 2

Số/No.....Giao người nộp

Deposito s copy

GIẤY NỘP TIỀN

Cash Deposite Slip

Ngày/Date : 03/12/2011

Tài khoản có/Credit A/C No: 02101015559999

Tên tài khoản/Account Name: CN công ty CP KD&PT Bình Dương tại HP

Số tiền bằng chữ/Inword: Một trăm triệu đồng chẵn.

Người nộp tiền/Deposited by: Nguyễn Phương Thảo

Địa chỉ/Address: CN công ty CP KD&PT Bình Dương tại HP

Tại ngân hàng/With bank: MSB CN Tô Hiệu

Nội dung nộp/Remarks: Nộp vào tài khoản.

Số tiền bằng số

(Amount in figures)

100.000.000

Người nộp tiền

Deposite's signature

Giao dịch viên

Teller

Kiểm soát viên

Supervisor

Biểu số 2.1.2: Giấy nộp tiền

❖ **Nghiệp vụ 2:** Ngày 31/12/2011: Thu lãi từ tiền gửi tài khoản ngân hàng

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.2.1), kế toán kiểm tra, đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu

Từ giấy báo có kế toán lập sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.1)

Căn cứ các chứng từ gốc có liên quan, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 708 (Biểu số 2.2), từ đó vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.4), đồng thời vào sổ cái TK112 (Biểu số 2.5)

Cuối quý tổng hợp từ sổ cái vào Báo cáo tài chính



**GIẤY BÁO CÓ
LÃI TIỀN GỬI**

Số:
Ngày:31/12/2011

Ngày 31/12/2011

Tên đơn vị:CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT
TRIỂN BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

Số tài khoản: 02101015559999

Từ ngày	Đến ngày	Tiền lãi
01/12/2011	31/12/2011	2.789.356

Tổng cộng:2.789.356

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Trưởng phòng

Biểu số 2.2.1:Giấy báo có

Nghiệp vụ giảm TGNH

❖ **Nghiệp vụ 3:** Ngày 15/12/2011, thanh toán tiền mua hàng bằng TGNH.

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào hoá đơn GTGT 0041687 (Biểu số 2.3.1), kế toán công ty gửi Ủy nhiệm chi (Biểu số 2.3.2) đến Ngân hàng

Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi giấy báo nợ (Biểu số 2.3.3).

Từ giấy báo nợ kế toán lập sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.1)

Căn cứ các chứng từ gốc có liên quan, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 709 (Biểu số 2.3), từ đó vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.4), đồng thời vào sổ cái TK112 (Biểu số 2.5)

Cuối quý tổng hợp từ sổ cái vào Báo cáo tài chính

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT-3LL
AA/11P
0041687

Liên2:Giao khách hàng
Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tuấn Cường

Địa chỉ: 140 Tôn Đức Thắng-Hải Phòng

Điện thoại MS:

0	4	0	1	5	8	5	1	4	7	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Họ và tên người mua hàng:CN Cty Cp KD&PT Bình Dương tại HP

Địa chỉ: Ngô Yên-An Hồng-An Dương-Hải Phòng

Điện thoại: MS:

0	2	0	2	7	0	5	1	9	8	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Hình thức thanh toán:TGNH

ST T	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Thép hộp	kg	1500	13.500	20.250.000
Cộng tiền hàng:					20.250.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 2.025.000	
Tổng cộng tiền hàng:					22.275.000
Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng chẵn ./.					

Người mua hàng

(ký,họ tên)

Người bán hàng

(ký,họ tên)

Thủ trưởng đv

(ký,họ tên,đóng dấu)

(Cần kiểm tra,đối chiếu khi lập,giao,nhận hóa đơn)

Biểu số 2.3.1:Hóa đơn GTGT số 0041687

ỦY NHIỆM CHI

Số UNC: 11216

CHUYÊN KHOẢN, CHUYÊN TIỀN THU, ĐIỆN

Lập ngày: 15/12/2011

Đơn vị trả tiền: CN CTCP kinh doanh và phát triển Bình Dương tại HP

Số TK: 02101015559999

Tại ngân hàng: MSB

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Phần do NH ghi

TK NỢ

TK CÓ

Đơn vị nhận tiền : Công ty TNHH Tuấn Cường

Số TK: 0400388796

Tại ngân hàng: Ngoại thương

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Số tiền bằng số


22.275.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng chẵn ./.

Nội dung: Thanh toán tiền hàng

Đơn vị trả tiền	Maritime bank	Ngân hàng B
Kế toán Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày 15/12/2011	Ghi sổ ngày 15/12/2011
	Giao dịch viên Kiểm soát	Giao dịch viên Kiểm soát

Biểu số 2.3.2: Ủy nhiệm chi

		Sô:
GIẤY BÁO NỢ		Ngày:15/12/2011
Số tài khoản:02101015559999		Mã khách hàng:245268
Tên tài khoản:CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG		
Kính gửi(to):CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HP	Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo:Hôm nay tài khoản của quý khách đã được ghi Nợ số tiền như sau:	
Diễn giải	Số tiền	
Thanh toán tiền hàng	22.275.000	
Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Biểu số 2.3.3:Giấy báo nợ

Đơn vị: CN CTCP KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG TẠI HP

Địa chỉ: NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN DƯƠNG-HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2011

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng hàng hải-CN HP

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số tiền		
	SH	NT			Thu	Chi	Còn lại
			SDDK				5.553.387
..			
01/12		01/12	Thu phí xếp dỡ	511	16.500.000		
			Thuế VAT	3331	1.650.000		
03/12		03/12	Xuất quỹ TM gửi vào ngân hàng	111	100.000.000		
05/12		05/12	Rút TGNH nhập quỹ	111		150.000.000	
....	
15/12		15/12	Thanh toán tiền hàng	156		20.250.000	
			Thuế GTGT	133		2.025.000	
16/12		16/12	NH thu phí	642		1.235	
18/12		18/12	Cty trả tiền hàng	331		3.000.000	
31/12		31/12	Ngân hàng trả lãi	515	2.789.356		
			Cộng phát sinh		18.643.907.621	18.645.056.718	
			SDCK				4.404.290

Người ghi sổ

Kê toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1: Sổ chi tiết TGNH

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:708

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....
Xuất TM gửi vào NH	112	111	100.000.000	
Công ty Phú Khang ứng tiền hàng	112	131	7.452.000	
Cty Gia Thành thanh toán tiền hàng	112	511	12.000.000	
+Thuế VAT	112	333	1.200.000	
NH trả lãi	112	515	2.789.356	
.....
Cộng			1.280.435.678	

Người lập
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Biểu số 2.2: Chứng từ ghi sổ số 708

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:709

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....
Thanh toán tiền hàng	156	112	20.250.000	
+VAT khấu trừ	133	112	2.025.000	
NH thu phí	642	112	1.235	
Cty trả tiền mua xe nâng	211	112	786.000.000	
+VAT được khấu trừ	133	112	78.600.000	
.....	
Cộng			987.650.404	

Người lập

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Biểu số 2.3: Chứng từ ghi sổ số 709

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT	
.....
706	31/12/2011	687.957.404
707	31/12/2011	741.372.992
708	31/12/2011	1.280.435.678
709	31/12/2011	987.650.404
.....
730	31/12/2011	25.350.440
.....
Cộng tháng		32.583.159.672
Cộng lũy kế từ đầu quý		385.440.696.245

Người lập

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Giám đốc

(ký,họ tên,đóng dấu)

Biểu số 2.4:Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CN CTY CP KD&PT BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDDK</u>		<u>5.553.387</u>	
...		
			Số phát sinh trong tháng T12			
31/12	708	31/12	Xuất TM gửi vào NH	111	100.000.000	
			Công ty Phú Khang ứng tiền hàng	131	7.452.000	
			Cty Gia Thành thanh toán tiền hàng	511	12.000.000	
			+Thuế VAT	333	1.200.000	
			NH trả lãi	515	2.789.356	
....		
31/12	709	31/12	Thanh toán tiền hàng	156		20.250.000
			+VAT khấu trừ	133		2.025.000
			NH thu phí	642		1.235
			Cty trả tiền mua xe nâng	211		786.000.000
			+VAT được khấu trừ	133		78.600.000
...		
			Cộng số ps		18.643.907.621	18.645.056.718
			<u>Số dư cuối năm</u>		<u>4.404.290</u>	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 112 (trích tháng 12/2011)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt tại quỹ	174.225.560		46.735.217.636	46.883.574.696	25.898.500	
112	Tiền gửi ngân hàng	5.553.387		18.643.907.621	18.645.056.718	4.404.290	
131	Phải thu khách hàng	876.687.156		35.404.548.803	31.179.081.684	5.202.154.275	100.000.000
133	Thuế GTGT được khấu trừ	190.283.161		2.117.238.805	2.344.271.430		36.749.464
138	Phải thu khác			24.282.000		24.282.000	
141	Tạm ứng	2.900.000.000		3.288.186.287	6.188.186.287		
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	167.460.285		416.078.699	399.427.763	184.111.221	
152	Nguyên vật liệu	934.192.283		27.422.023.616	27.526.854.445	829.361.454	
153	Công cụ dụng cụ	44.656.843		290.890.785	238.866.734	96.680.894	
154	Chi phí sản phẩm dở dang			31.579.935.818	31.579.935.818		
155	Thành phẩm	353.702.841		30.394.367.412	30.412.410.188	335.660.065	
211	TSCĐHH	2.328.266.272		9.960.228.632	329.612.900	11.958.882.004	
214	Hao mòn TSCĐ		373.622.978	80.753.016	1.093.606.969		1.386.476.931
241	Chi phí xây dựng dở dang	83.812.305		568.912.926	44.450.000	608.275.231	
311	Vay ngắn hạn		1.699.300.000	10.929.293.000	12.414.992.280		3.184.999.280
331	Phải trả người bán		153.740.000	24.343.557.482	32.927.851.363		8.738.033.881
333	Thuế và Các khoản phải nộp NN	8.500.000		2.000.401.426	1.997.017.890	11.883.536	
334	Phải trả công nhân viên		73.150.308	3.032.233.110	3.286.305.113		327.222.311
338	Phải trả phải nộp khác			21.984.182	24.465.472		2.481.290
411	Nguồn vốn kinh doanh		6.000.000.000	514.447.704			5.485.552.296

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại CN Công ty CP KD&PT Bình Dương tại HP

413	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			47.127.163	47.127.163		
421	Lợi nhuận chưa phân phối	232.473.193		973.566.317	1.226.087.527		20.048.017
511	Doanh thu bán hàng			35.092.893.336	35.092.893.336		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			2.220.734	2.220.734		
521	Chiết khấu thương mại			1.071.430	1.071.430		
621	Chi phí NVL trực tiếp			27.517.426.335	27.517.426.335		
622	Chi phí nhân công trực tiếp			1.812.926.123	1.812.926.123		
627	Chi phí sản xuất chung			1.064.014.954	1.064.014.954		
632	Giá vốn hàng bán			32.073.970.222	32.073.970.222		
635	Chi phí tài chính			609.988.116	609.988.116		
641	Chi phí bán hàng			1.223.413.847	1.223.413.847		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			1.178.072.255	1.178.072.255		
821	Chi phí thuế TNDN			7.907.496	7.907.496		
911	XĐKQHĐKD			36.067.608.957	36.067.608.957		
	Tổng cộng	8.299.813.286	8.299.813.286	385.440.696.245	385.440.696.245	19.281.563.470	19.281.563.470

CHƯƠNG III:
MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG
TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
TẠI HẢI PHÒNG

I. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại HP

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Chi nhánh từ khi thành lập đến nay trải qua biết bao những khó khăn để tồn tại và phát triển. Trong suốt những năm qua ban lãnh đạo Chi nhánh cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ khó khăn, vượt qua thử thách, dần dần khẳng định vị trí của mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục trong toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý, làm việc của Chi nhánh.

Để có được những thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của Chi nhánh được tổ chức tương đối chặt chẽ với những cán bộ công nhân viên có trình độ, có năng lực và nhiệt tình trong công việc. Việc bố trí nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi người đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý tài chính kinh tế trong Chi nhánh công ty. Trong nội bộ phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm, mỗi người đều có nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhưng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau về nghiệp vụ đảm bảo số liệu hạch toán kịp thời, chính xác. Đây chính là kết quả của quá trình hợp lý hoá bộ máy kế toán của Chi nhánh công ty, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán gọn nhẹ và vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại HP, em

thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Chi nhánh Công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

1. Ưu điểm

1.1. Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh công ty. Chính vì vậy, chi nhánh công ty đã tìm ra cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho hiệu quả nhất để thực hiện tốt những kế hoạch, nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể, đối phó được với những biến động của thị trường. Một cơ cấu tổ chức hợp lý, khoa học, gọn nhẹ, phân công cụ thể quyền hành trách nhiệm rõ ràng sẽ tạo nên một môi trường làm việc hiệu quả, thuận lợi cho mỗi cá nhân nói riêng và mỗi bộ phận nói chung.

Kể từ ngày thành lập chi nhánh công ty luôn đạt hiệu quả năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định và ngày càng tăng. Đồng thời luôn thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công ty luôn có những chế độ khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

1.2. Tổ chức bộ máy kế toán.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở Chi nhánh công ty đã được quan tâm chú trọng ở mức độ nhất định cùng các biện pháp quản lý kinh tế nói chung. Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán tương đối linh hoạt và phù hợp với doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu quản lý, chế độ kế toán hiện hành. Chấp hành kịp thời các chế độ, quy định liên quan đến kế toán tài chính.

Chi nhánh công ty đang áp dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ” đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong công tác hạch toán kế toán.

Từ việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu. Các số liệu sau khi được tổng hợp bởi kế toán tổng hợp sẽ được kế toán trưởng kiểm tra.

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, Công ty lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính trong việc tạo ra quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời của Ban lãnh đạo công ty mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phân hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

1.3. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Nhận thức được điều đó công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền:

Tiền mặt của công ty được quản lý tại quỹ do thủ quỹ chịu trách nhiệm thu, chi. Thủ quỹ là người trung thực, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán, do vậy tránh được tình trạng tham ô công quỹ và sai sót khi hạch toán.

Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, được kế toán trưởng soát xét và Giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan. Sau đó mới chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập, xuất quỹ.

Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái tiền mặt, Sổ cái TGNH. Các sổ sách kế toán có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh

Như vậy với việc tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của Công ty đề ra là: Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi, phương

pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng. Trong quá trình hạch toán đã hạn chế được những trùng lặp, ghi chép mà vẫn đảm bảo tính thống nhất của nguồn số liệu ban đầu

2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng tại Chi nhánh công ty vẫn tồn tại những hạn chế nhất định của một doanh nghiệp mới đi vào hoạt động

2.1. Nhược điểm 1: Sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ” để phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên “Bảng kê chi tiết” lại không được công ty sử dụng. Kế toán sẽ có những sai sót khi vào sổ cái dẫn đến làm mất cân đối trong bảng đối chiếu số phát sinh, tổng phát sinh Nợ, Có phản ánh không chính xác tình hình tài chính của Doanh nghiệp.

Việc mở sổ quỹ tiền mặt là rất cần thiết nhưng chưa đầy đủ vì sổ đó chưa phản ánh được tài khoản đối ứng nếu muốn chi tiết hơn doanh nghiệp nên mở thêm “Sổ kế toán chi tiết tiền mặt”.

2.2. Nhược điểm 2: Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng

Hiện nay việc giữ tiền mặt tại quỹ còn được sử dụng nhiều, việc giữ một lượng tiền lớn tại quỹ có thể là sử dụng để cân đối các khoản phát sinh đột xuất tuy nhiên về lâu dài sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Điều này sẽ gây ứ đọng vốn nhất là trong thời kỳ lạm phát cao như thời điểm hiện tại. Có thể dẫn đến việc chi sai nguyên tắc làm thâm hụt công quỹ, dùng tiền công để kiếm lời bất hợp pháp.

Công ty hiện vẫn trả lương theo phương pháp truyền thống trong khi các Công ty khác đã thay đổi sang trả lương qua thẻ ATM rất thuận tiện và giảm áp lực cho thủ quỹ rất nhiều.

2.3. Nhược điểm 3: Nên mở TK 113

Công ty không hạch toán tiền đang chuyển. Địa bàn hoạt động của Công ty trải rộng trên toàn quốc nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty vẫn chưa nhận

được lệnh chuyên có hay bản sao kê của Ngân hàng. Việc không sử dụng TK113 để theo dõi, không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

2.4. Nhược điểm4: Vấn đề kiểm kê, báo cáo quỹ

Việc kiểm kê quỹ của Chi nhánh công ty được tiến hành định kỳ vào cuối quý. Vì thế khi muốn kiểm tra đột xuất thì Chi nhánh công ty không có số liệu đối chiếu, kiểm tra kịp thời. Vì vậy chi nhánh công ty nên tiến hành kiểm kê vào cuối mỗi tháng hoặc định kỳ khi cần thiết có thể kiểm kê đột suất hoặc khi bàn giao quỹ.

II. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng

Trong một thời gian ngắn thực tập tại Phòng kế toán Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình dương tại Hải Phòng, em đã được tiếp cận và có sự nhìn nhận thực tế hơn đối với công tác kế toán của một doanh nghiệp. Thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty thì nhìn chung công tác quản lý, hạch toán vốn bằng tiền trong Công ty là tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán vốn bằng tiền cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Ngày nay, kế toán không chỉ làm công tác tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và sự vận động của tài sản mà nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu. Dựa trên những thông tin trung thực, chính xác nhà quản trị mới có thể đưa ra được những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Như vậy về mặt sử dụng thông tin, kế toán là một công cụ không thể thiếu trong công cụ quản lý kinh doanh có hiệu quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các hoạt động của mọi tổ chức, mọi doanh nghiệp.

Hoàn thiện quá trình này sẽ giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo

tài chính cuối kì đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của Doanh nghiệp và đưa ra những phương hướng kinh doanh kỳ tới.

2. Các kiến nghị hoàn thiện

2.1. Kiến nghị 1

Tuy kế toán trong công ty đã mở Sổ quỹ tiền mặt nhưng trong đó không phản ánh được tài khoản đối ứng gây khó khăn cho việc theo dõi. Vì vậy nên mở thêm “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” (MS S07a-DN). Sổ này có thêm cột Tài khoản đối ứng để phản ánh số hiệu TKĐƯ với từng nghiệp vụ Nợ, có của TK 111- Tiền mặt sẽ khiến cho việc theo dõi quỹ tiền mặt trong công ty trở nên dễ dàng, chi tiết hơn.

➤ Sau đây là mẫu Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt theo quy định chế độ kế toán hiện hành:

Đơn vị:
Địa chỉ:.....

Mẫu số: S07a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản:.....

Loại quỹ:.....

Năm:.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số PS		Số tồn	G C
		Thu	Chi			Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>SDĐK</u>					
				SPS trong kỳ					
				Cộng PS trong kỳ					
				<u>SDCK</u>					

Ngày mở sổ:.....

Ngày thángnăm.....

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

Đơn vị: CN CTY CP KD&PT BÌNH
DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG
Địa chỉ: NGÔ YẾN-AN HỒNG-AN
DUƠNG-HP

Mẫu số: S07a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: TK 111

Loại quỹ: tiền VNĐ

Năm: 2001

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	SH chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn
	Thu	Chi			Nợ	Có	
			<u>SDDK</u>		<u>79.314.088</u>		
...
2/12/11	PT12-004		Thu tiền hàng	511	47.430.000		93.513.325
				3331	4.743.000		98.256.325
		PC12- 001	Trả tiền hàng	156		87.156.325	
				133		8.715.632	89.540.700
.....
5/12/11	PT12-012		Rút TGNH nhập quỹ TM	112	150.000.000		152.678.256
	PT12-013		Thu tiền hàng	511	78.195.000		
				3331	7.819.500		230.873.256
7/12/11		PC12- 018	Mua đồ văn phòng phẩm	642		5.115.000	
				133		511.500	235.988.256
...

10/12/11		PC12-025	Tạm ứng công tác phí	141		2.000.000	72.597.325
		PC12-026	Ứng tiền hàng	331		36.000.000	
12/12/11		PC12-030	Thanh toán tiền mua dây điện	156		15.000.000	
				133		1.500.000	23.325.125
.....
			Cộng			687.957.404	741.372.992
						741.372.992	25.898.500

Ngày mở sổ: 1/12/2011

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.Kiến nghị 2

- Chi nhánh công ty đã mở tài khoản Ngân hàng nhưng chưa sử dụng triệt để những lợi ích mà Ngân hàng mang lại khi cần thanh toán tiền hay chuyển tiền. Trong thời kỳ lạm phát như hiện nay thì giữ tiền mặt không còn là cách tích lũy phù hợp. Hơn thế nữa việc thanh toán thông qua hệ thống Ngân hàng đối với những khoản tiền lớn đảm bảo vấn đề an toàn tiền quỹ của Công ty cũng như làm tăng khả năng sinh lời của tiền. Do vậy Công ty nên tăng cường việc thanh toán giao dịch bằng chuyển khoản, giảm bớt thanh toán bằng tiền mặt, chỉ dùng tiền mặt thanh toán các khoản chi nhỏ.

- Việc trả lương cho cán bộ công nhân viên theo hình thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hiện nay không còn phù hợp nữa. Do vậy Công ty nên tạo tài khoản riêng cho mỗi người lao động, hàng tháng tiến hành việc trả lương theo hình thức thanh toán thông qua thẻ ATM. Việc này sẽ làm giảm áp lực công việc cho thủ quỹ, tránh những sai sót nhầm lẫn trong quá trình trả lương lại không tồn một lượng tiền quá lớn tại quỹ.

2.3.Kiến nghị 3

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở TK 113 – Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong các trường hợp sau: Thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được lệnh chuyển có, giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

2.4.Kiến nghị 4.

Hiện tại Chi nhánh công ty kiểm kê quỹ một năm một lần, tuy nhiên để có thể nắm bắt và quản lý tốt vốn tiền mặt, kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối quý, có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có). Khi tiến hành kiểm kê phải lập bảng kiểm kê, bảng kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời gian kiểm kê (ngày, giờ..).

Trước khi kiểm kê quỹ thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Việc quản lý quỹ tiền tệ giúp cho Ban giám đốc nắm bắt được số tiền quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ tại thời điểm kiểm kê. Từ đó có thể đưa ra những giải pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ, nếu thừa hay thiếu số tiền thực tế trong quỹ làm cơ sở truy trách nhiệm vật chất, ghi sổ chênh lệch để kế toán viên giúp kinh nghiệm.

➤ Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số 08a-TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vàongày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:.....Đại diện kế toán

Ông/Bà:.....Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:.....Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt , kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	X
II	Số kiểm kê thực tế	X
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- Loại		
5		
III	Chênh lệch (III=I-II)	X	

Lý do : +) Thừa: :.....

+) Thiếu: :.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng
(Ký , họ tên)

Thủ quỹ
(Ký , họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
(Ký , họ tên)

KẾT LUẬN

Kế toán vốn bằng tiền đóng vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết, là công cụ không thể thiếu được trong quản lý kinh tế giúp cho Ban lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt kịp thời tình hình tăng, giảm các loại vốn bằng tiền để từ đó có những căn cứ quyết định sản xuất kinh doanh phù hợp với Doanh nghiệp của mình. Bởi vậy kế toán vốn bằng tiền phải được hoàn thiện để cung cấp thông tin chính xác cho các nhà quản trị Doanh nghiệp

Qua thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình dương tại Hải Phòng với sự chỉ bảo giúp đỡ tận tình của các cô chú phòng kế toán và cô giáo hướng dẫn em đã tìm hiểu được sâu sắc về công tác hạch toán kế toán hạch toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Cũng trong thời gian thực tập này em đã nhận thức được rằng lý luận phải gắn liền với thực tiễn, phải vận dụng linh hoạt lý thuyết đã được học cho phù hợp với tình hình thực tế và cũng tại đây em đã học được nhiều kinh nghiệm bổ ích sau này

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn, bài viết này không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp chỉ bảo của các thầy cô để khoá luận của em được hoàn thiện hơn

Một lần nữa cho em được bày tỏ lòng biết ơn Ban lãnh đạo tại chi nhánh công ty cùng toàn thể cô chú trong phòng tài chính-kế toán của công ty và cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn-thạc sĩ Lê Thị Nam Phương đã giúp đỡ em hoàn thành bài báo cáo này

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán Doanh nghiệp – NXB Tài chính Hà Nội
2. Hướng dẫn thực hành kế toán Doanh nghiệp.
3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - NXB Tài chính Hà Nội
4. Tài liệu , sổ sách kế toán do Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cung cấp.
5. Website: www.webketoan.com.vn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	11
I. Những vấn đề lý luận chung về vốn bằng tiền	11
1. Khái niệm vốn bằng tiền	11
2. Đặc điểm vốn bằng tiền	11
3. Các loại vốn bằng tiền.....	12
4. Vị trí, vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	12
5. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	13
6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	14
7. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền	14
II. Tổ chức công tác kế toán tiền mặt tại quỹ	15
1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt.....	15
2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán TM	16
3. Phương pháp hạch toán kế toán TM	18
III. Tổ chức công tác kế toán tiền gửi ngân hàng.....	23
1) Nguyên tắc kế toán TGNH	23
2) Chứng từ, tài khoản sử dụng trong hạch toán TGNH.....	25
3) Phương pháp hạch toán kế toán TGNH.....	27
IV. Kế toán tiền đang chuyển.....	30
1) Nguyên tắc	30
2) Chứng từ, TK sử dụng	30
3) Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển.....	31
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG	33
I. Khái quát chung về chi nhánh công ty CP KD&PT Bình Dương tại Hải Phòng. 33	
1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	33

2.Những thuận lợi khó khăn của DN trong quá trình hoạt động	34
4)Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại chi nhánh công ty	36
4.1.Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	36
4.2.Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Chi nhánh công ty	38
4.3.Các chính sách kế toán của công ty	39
II. Thực trạng công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng.....	41
1.Kế toán tiền mặt tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng.....	41
1.1.Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng	41
1.2.Quy trình hạch toán.....	43
2.Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng.....	59
2.2.Quy trình hạch toán.....	60
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG TẠI HẢI PHÒNG	78
I. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại HP	78
1. Ưu điểm.....	79
1.1.Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh.....	79
1.2.Tổ chức bộ máy kế toán.	79
1.3.Tổ chức kế toán vốn bằng tiền.	80
2. Nhược điểm.....	81
2.1. Nhược điểm 1: Sổ sách kế toán	81
2.2. Nhược điểm 2: Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng	81
2.3. Nhược điểm 3: Nên mở TK 113	81
2.4. Nhược điểm4: Vấn đề kiểm kê, báo cáo quỹ.....	82
II. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	82
1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	82

2. Các kiến nghị hoàn thiện.....	83
2.1.Kiến nghị 1	83
2.2.Kiến nghị 2	87
2.3.Kiến nghị 3	87
2.4.Kiến nghị 4.....	87
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90